TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1	Nguyễn Thị Kim	Ấm	19112001	26/08/2001	8.00	9.50	8.80	x
2	Phạm Hồng	Ân	22124005	26/05/2004	7.90	7.00	7.50	x
3	Huỳnh Tấn	An	21126265	12/05/2003	6.80	3.00	4.90	
4	Nguyễn Hoài	An	21126267	19/01/2003	4.70	4.00	4.40	
5	Nguyễn Huỳnh Khánh	An	20112178	01/01/2002	5.20	8.50	6.90	x
6	Trần Lê Hoài	An	21129532	01/01/2003	5.30	5.50	5.40	x
7	TRẦN NGỌC MỸ	AN	23126004	02/12/2005	3.80	4.50	4.20	
8	Trần Phước	An	22124004	04/03/2004	7.50	6.00	6.80	x
9	Trần Thị Mỹ	An	20115003	29/04/2002	4.70	2.00	3.40	
10	Võ Ngọc Phúc	An	21111182	21/06/2003	4.80	5.00	4.90	
11	Lê Hồng Đức	Anh	21145004	24/02/2003	4.90	1.40	3.20	
12	Lê Thị Kim	Anh	20115179	20/02/2002	5.30	5.00	5.20	x
13	Lê Thị Việt	Anh	22155002	12/08/2004	6.80	5.00	5.90	x
14	NGUYỄN NGỌC	ANH	23112014	10/01/2005	7.60	8.50	8.10	x
15	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	21129543	14/06/2003	4.70	2.50	3.60	
16	Nguyễn Phạm Hồng	Anh	19112007	24/08/2001	4.70	1.40	3.10	
17	Nguyễn Thị Lan	Anh	21126014	24/11/2003	4.50	5.50	5.00	
18	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19124013	14/09/2001	6.10	5.40	5.80	x
19	Đỗ Thị Kim	Anh	19124007	31/03/2001	3.40	4.00	3.70	
20	Phạm Thị Hồng	Anh	21123207	12/09/2003	5.40	10.00	7.70	x
21	Phan Bá Quốc	Anh	21126278	12/09/2003	5.90	1.50	3.70	
22	Phan Ngọc	Anh	22149004	19/10/2004	7.70	8.40	8.10	x
23	Trần Minh	Anh	21129548	07/11/2003	2.80	1.50	2.20	
24	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	21123208	13/03/2003	5.00	5.00	5.00	x
25	Trần Phạm Trâm	Anh	21129550	01/10/2003	6.20	4.00	5.10	
26	Vũ Nguyệt Minh	Anh	21135008	15/03/2003	6.90	1.50	4.20	
27	Aty	Aty	19113196	15/10/2001	2.30	0.00	1.20	
28	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	22112019	20/06/2004	4.80	0.00	2.40	
29	Phạm Ngọc	Ánh	21120318	21/02/2003	4.00	2.90	3.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
30	Võ Lê	Bách	20122248	17/10/2002	6.00	7.30	6.70	x
31	Bùi Ngọc	Bảo	22116005	01/12/2004	7.00	9.00	8.00	x
32	Nguyễn Sỉ Phi	Bảo	21111195	30/11/2003	4.10	4.50	4.30	
33	Nguyễn Thanh Khánh	Bảo	21120021	24/11/2003	5.80	3.00	4.40	
34	Nguyễn Tiểu	Bảo	19118013	20/09/2001	3.50	0.00	1.80	
35	TRƯƠNG HOÀI	BẢO	23123009	27/04/2005	7.00	8.40	7.70	x
36	Trịnh Thị Ngọc	Bích	21132022	25/09/2003	5.10	7.90	6.50	x
37	Nguyễn Công	Bình	22112028	30/01/2004	5.40	3.90	4.70	
38	Nguyễn Quốc	Bình	20118124	03/04/2002	6.10	4.00	5.10	
39	Trần Thanh	Bình	20118125	01/07/2002	7.10	9.00	8.10	x
40	PHAN THANH VIỆT	CA	23112026	27/02/2005	7.50	9.90	8.70	x
41	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	21155065	13/01/2003	4.60	4.50	4.60	
42	Hồ Minh	Châu	20112193	13/11/2002	3.60	7.00	5.30	
43	LƯƠNG MINH	CHÂU	23112029	05/07/2005	6.50	8.50	7.50	x
44	Nguyễn Hà Ninh	Châu	22112031	29/07/2004	7.10	1.00	4.10	
45	Nguyễn Hoàng	Châu	22149007	13/08/2004	7.70	3.50	5.60	
46	Phạm Thế	Châu	21154132	20/08/2003	4.50	0.00	2.30	
47	Trịnh Thị Minh	Châu	22111017	30/01/2004	7.00	5.00	6.00	x
48	Nguyễn Thị Linh	Chi	22139008	26/04/2004	4.60	1.50	3.10	
49	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	20124271	06/01/2002	5.40	0.00	2.70	
50	NGUYỄN MINH	CHÍ	23124022	19/10/2005	7.80	7.00	7.40	x
51	Phan Minh	Chí	21145119	09/03/2003	5.70	1.50	3.60	
52	Trần Huỳnh Khánh	Chung	21129576	24/02/2003	6.80	8.50	7.70	x
53	Nguyễn Thế	Chuyên	20128159	06/07/2002	5.60	7.00	6.30	x
54	Đỗ Chí	Công	20124275	22/02/2002	6.50	7.00	6.80	x
55	Võ Phạm	Công	21116126	13/04/2003	5.60	8.50	7.10	x
56	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	23129066	17/10/2005	5.80	8.40	7.10	x
57	Nguyễn Văn	Cương	21138097	26/07/2003	5.30	5.00	5.20	x
58	Phạm Cao	Cường	22122034	12/12/2004	7.20	6.50	6.90	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
59	Lường Thị Kim	Cúc	21155067	08/05/2002	6.20	6.00	6.10	x
60	Nguyễn Thu	Cúc	19112020	18/01/2001	6.80	8.50	7.70	x
61	Lê Đăng	Dâng	21126297	28/06/2002	7.00	5.00	6.00	x
62	Đặng Duy	Danh	22122036	31/08/2004	7.30	6.80	7.10	x
63	Đặng Trần	Danh	21154146	20/07/2003	4.10	0.00	2.10	
64	BÙI THỊ	DIỄM	23129088	19/10/2005	7.20	7.00	7.10	x
65	Vũ Nguyễn Thu	Diễm	21122506	14/05/2003	4.90	2.00	3.50	
66	Hồ Thị Thuỳ	Dương	21139261	08/11/2003	7.80	6.50	7.20	x
67	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20126222	08/10/2002	4.70	2.00	3.40	
68	Trần Thị Thùy	Dương	20120176	17/09/2002	7.10	5.00	6.10	x
69	Lê Quý	Dưỡng	21152043	09/08/2003	5.20	5.40	5.30	x
70	Võ Thảo	Du	18126024	11/10/2000	6.30	7.30	6.80	x
71	Đinh Thị Phương	Dung	22115012	23/01/2004	6.80	2.50	4.70	
72	Trương Mỹ Thùy	Dung	20111181	23/02/2002	1.40	0.00	0.70	
73	CHẾ VĂN	DŨNG	23123016	03/03/2005	5.20	5.00	5.10	x
74	Phạm Quốc	Dũng	16120050	07/07/1998	3.80	0.00	1.90	
75	Trương Tấn	Dũng	21154154	30/01/2003	6.60	6.00	6.30	x
76	Vũ Tiến	Dũng	21120359	25/02/2003	4.00	1.50	2.80	
77	Dương Hoàng	Duy	21145018	11/02/2003	7.20	3.00	5.10	
78	HUỲNH VÕ	DUY	23145029	30/05/2005	5.90	3.00	4.50	
79	LÊ ANH	DUY	23111029	25/07/2005	4.40	3.00	3.70	
80	Lê Hồng	Duy	21126314	04/03/2003	5.40	2.50	4.00	
81	Nguyễn Anh	Duy	19112245	05/01/2001	4.20	3.50	3.90	
82	Nguyễn Bảo	Duy	21137006	23/01/2001	5.90	8.00	7.00	x
83	Nguyễn Trường	Duy	21130637	22/08/2003	4.80	6.00	5.40	
84	Tăng Trương Khánh	Duy	20126225	18/06/2002	5.20	3.00	4.10	
85	Trần Mai	Duy	21145019	28/10/2003	5.10	3.50	4.30	
86	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	23113024	13/07/2005	7.50	7.00	7.30	x
87	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	23129107	20/02/2005	7.80	4.00	5.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
88	Lương Thị	Duyên	21122526	27/02/2003	6.70	8.00	7.40	x
89	Ngô Thị Thảo	Duyên	22126043	24/02/2004	6.70	2.90	4.80	
90	Ngô Võ Kỳ	Duyên	19112248	10/05/2001	6.30	3.90	5.10	
91	Nguyễn Lê Kim	Duyên	21145138	24/08/2003	5.20	4.00	4.60	
92	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	19111027	16/08/2001	6.60	6.40	6.50	x
93	HỒ PHẠM TIỀN	GIANG	23129110	28/10/2005	8.60	10.00	9.30	x
94	Huỳnh Hoàng	Giang	20126231	16/10/2002	4.60	1.40	3.00	
95	Nguyễn Huỳnh Dương	Giang	20124296	08/07/2002	3.60	2.50	3.10	
96	Trần Thị Cẩm	Giang	22139014	25/10/2004	3.90	2.00	3.00	
97	LÂM NGỌC	GIÀU	23129114	10/11/2005	6.50	8.50	7.50	x
98	Nguyễn Văn	Giàu	21154161	12/08/2003	5.90	0.00	3.00	
99	Hồ Thị Ngọc	Hân	22126049	18/07/2004	5.40	5.00	5.20	x
100	Huỳnh Lê Trúc	Hân	21125090	14/12/2003	7.10	9.90	8.50	x
101	Huỳnh Mai Gia	Hân	21122539	04/06/2003	4.30	0.40	2.40	
102	LÊ HUỲNH KIỀU	HÂN	23157017	15/11/2005	4.20	1.50	2.90	
103	Đặng Ngọc Mai	Hân	21155088	13/09/2003	6.90	9.00	8.00	x
104	Ngô Thái Bảo	Hân	21129628	02/01/2003	6.30	6.00	6.20	x
105	Nguyễn Lê Bảo	Hân	22122079	17/11/2004	5.40	6.90	6.20	x
106	Lê Anh	Hậu	20115199	24/03/2002	4.90	1.50	3.20	
107	ĐẶNG HUỲNH TRUNG	HẬU	23120049	15/02/2005	4.70	2.00	3.40	
108	Phan Trung	Hậu	21126057	04/05/2003	7.90	10.00	9.00	x
109	Võ Trung	Hậu	21124349	16/03/2003	7.70	5.90	6.80	x
110	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	19155019	10/01/2001	4.40	3.00	3.70	
111	Ngô Cao Bích	Hằng	21128225	25/12/2003	6.30	5.00	5.70	x
112	Nguyễn Phan Kim	Hằng	22122085	25/02/2004	7.50	3.50	5.50	
113	Phạm Thị Kim	Hằng	21124345	25/10/2003	6.90	6.50	6.70	x
114	Nguyễn Thị Thu	Hà	14123212	10/06/1995	7.00	0.50	3.80	
115	Vũ Thụy Hoàng	Hà	20125388	07/10/2002	3.10	0.00	1.60	
116	Nguyễn Văn	Hào	21137071	20/08/2003	6.40	7.50	7.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
117	Đỗ Đại	Hải	20115197	08/09/2002	6.10	5.50	5.80	x
118	Vũ Đình	Hải	21118222	31/12/2003	4.20	1.50	2.90	
119	Nguyễn Lê Thanh	Hiền	22128048	15/12/2004	8.50	9.00	8.80	x
120	Vũ Thị Diệu	Hiền	21122550	10/02/2003	5.10	5.00	5.10	x
121	NGUYỄN VINH	HIỂN	24155042		3.00	1.50	2.30	
122	Phạm Hòa	Hiệp	21145145	10/04/2003	6.10	5.50	5.80	x
123	Nguyễn Trung	Hiếu	22118055	10/09/2004	3.60	0.00	1.80	
124	Nguyễn Trung	Hiếu	21128226	05/05/2003	7.50	3.50	5.50	
125	Nguyễn Trung	Hiếu	18153021	08/07/2000	5.20	8.90	7.10	x
126	Lê Ngọc	Hoa	21112449	03/10/2003	5.90	2.00	4.00	
127	Lê Ngọc Thế	Hoa	21126346	21/10/2003	7.60	7.80	7.70	x
128	Ngô Thị Mai	Hoa	21125112	10/11/2003	4.90	5.40	5.20	
129	Nguyễn Như	Hoa	22155038	25/05/2004	6.10	5.00	5.60	x
130	Lâm Long	Hồ	20118166	10/05/2002	4.40	1.90	3.20	
131	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21120392	08/05/2003	5.40	5.00	5.20	x
132	PHẠM THỊ NGỌC	HỒNG	23122076	08/07/2005	4.20	6.00	5.10	
133	Bùi Duy	Hoàng	19122064	16/02/2001	6.20	1.50	3.90	
134	Bùi Huy	Hoàng	19128048	04/01/2001	5.40	5.50	5.50	x
135	Huỳnh Tấn	Hoàng	22124069	19/12/2004	5.70	3.00	4.40	
136	LÊ	HOÀNG	23111050	11/12/2005	2.70	3.00	2.90	
137	Đặng Võ Huy	Hoàng	22118060	27/01/2004	6.50	6.00	6.30	x
138	Nguyễn Bảo Ngọc	Hoàng	21153132	21/04/2003	6.10	8.00	7.10	x
139	Từ Minh	Hoàng	21138123	19/04/2003	5.40	0.40	2.90	
140	Võ Minh	Hoàng	22122114	24/03/2004	6.60	5.40	6.00	x
141	Lưu Thị Minh	Hoè	21155095	20/12/2003	7.40	5.40	6.40	x
142	Châu Gia	Hưng	20124326	29/04/2002	5.30	7.00	6.20	x
143	Trần Tiến	Hưng	21118253	14/03/2003	8.40	9.00	8.70	x
144	Nguyễn Thanh	Hòa	20116200	18/10/2002	2.90	2.50	2.70	
145	Trần Thị Tiểu	Hòa	18155030	02/05/2000	4.80	9.50	7.20	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
146	Bá Thị Lan	Hương	21139061	01/10/2003	6.70	7.00	6.90	x
147	Huỳnh Thị Mỹ	Hương	19112252	26/12/2000	3.30	4.00	3.70	
148	MAI THỊ	HƯƠNG	23129157	26/04/2005	7.00	6.90	7.00	x
149	Nguyễn Thị Thu	Hương	20113252	29/12/2001	6.10	4.00	5.10	
150	Trần Thị Thanh	Hương	20115209	24/11/2002	3.40	1.90	2.70	
151	TRẦN TRẦM	HƯƠNG	23111057	05/08/2005	4.60	0.00	2.30	
152	Nguyễn Thị Đình	Hường	17112330	05/06/1999	4.30	0.50	2.40	
153	Nguyễn Phi	Hùng	22118063	15/08/2004	6.20	6.90	6.60	x
154	Dương Lê Gia	Huy	20122331	17/12/2002	6.40	7.50	7.00	x
155	Hoàng Gia	Huy	20125430	17/04/2002	4.80	2.50	3.70	
156	Huỳnh Văn	Huy	21137082	10/06/2003	6.30	6.00	6.20	x
157	Nguyễn Bá	Huy	20118172	30/05/2002	4.30	0.00	2.20	
158	Nguyễn Thanh	Huyền	21123235	01/05/2003	5.30	6.00	5.70	x
159	Nguyễn Thị	Huyền	21120398	31/01/2003	4.90	3.50	4.20	
160	Nguyễn Vũ Thanh	Huyền	21120086	19/07/2003	7.10	9.00	8.10	x
161	Trần Đức	Huyên	19112077	25/06/2001	5.50	4.30	4.90	
162	Đinh Thị Cẩm	Huỳnh	21133093	06/06/2003	4.60	2.00	3.30	
163	Lê Duy	Kha	21122574	17/05/2003	7.30	6.00	6.70	x
164	Phạm Hữu	Khan	21153141	12/01/2003	6.50	9.00	7.80	x
165	Nguyễn Phi	Khang	21145033	09/06/2003	6.20	2.00	4.10	
166	Phạm Trường	Khang	22112133	30/09/2004	5.60	5.50	5.60	x
167	Trần Nam	Khang	18122500	05/10/2000	5.70	3.00	4.40	
168	Trần Mai	Khanh	19112254	04/05/2001	4.80	7.50	6.20	
169	Trần Nhã Vân	Khanh	21124095	29/10/2003	2.60	2.50	2.60	
170	Võ Minh	Khải	22135051	28/01/2004	6.90	3.00	5.00	
171	Hoàng Vân	Khánh	22164021	02/09/2004	6.80	2.50	4.70	
172	Nguyễn Hoàng Bảo	Khánh	20154150	20/04/2002	7.60	9.00	8.30	x
173	Nguyễn Quốc	Khánh	21117015	28/06/2003	6.60	5.50	6.10	x
174	Nguyễn Văn	Khánh	21118270	17/03/2003	5.90	5.00	5.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
175	Hồ Đăng	Khoa	22124090	31/08/2004	5.20	5.80	5.50	x
176	Nguyễn Anh	Khoa	21153144	31/03/2003	7.30	8.50	7.90	x
177	Nguyễn Đăng	Khoa	21138137	07/01/2003	5.60	8.50	7.10	x
178	Trần Việt	Khoa	18153036	22/01/1999	3.70	0.00	1.90	
179	Trần Công	Khương	21137094	03/11/2003	6.40	7.50	7.00	x
180	Bùi Thanh	Khuyên	21154201	04/06/2003	6.60	8.50	7.60	x
181	Lê Trung	Kiên	21129706	25/05/2003	4.50	2.80	3.70	
182	Bùi Tuấn	Kiệt	21118280	25/01/2003	7.00	5.30	6.20	x
183	Hồ Văn	Kiệt	20122346	04/12/2002	5.30	3.50	4.40	
184	Huỳnh Tấn	Kiệt	22154060	20/07/2003	7.00	9.50	8.30	x
185	Nguyễn Anh	Kiệt	21154204	12/10/2003	6.60	7.50	7.10	x
186	Nguyễn Anh	Kiệt	20153094	10/03/2002	6.20	5.00	5.60	x
187	Nguyễn Phước	Kiệt	22116044	07/08/2004	4.70	0.50	2.60	
188	Trần Anh	Kiệt	21133096	09/11/2003	4.60	4.00	4.30	
189	Trần Phạm Anh	Kiệt	22124095	06/06/2004	5.90	8.00	7.00	x
190	Trần Tuấn	Kiệt	20118187	20/09/2002	7.60	8.50	8.10	x
191	Nguyễn Thanh Phú	Kiều	22139038	08/07/2004	4.50	2.00	3.30	
192	NGUYỄN THỊ DIỄM	KIỀU	23124105	31/10/2005	7.70	8.50	8.10	x
193	Phạm Thị Thúy	Kiều	21116034	06/07/2003	7.10	5.40	6.30	x
194	Nguyễn Phan Trọng	Kỳ	20116210	05/05/2002	4.10	0.00	2.10	
195	Nguyễn Vĩnh	Kỳ	21122585	31/03/2003	6.00	7.30	6.70	x
196	Nguyễn Vũ Xuân	Kỳ	20113261	18/01/2002	3.90	0.00	2.00	
197	Nguyễn Hoàng	Lâm	20145127	05/01/2002	6.50	8.00	7.30	x
198	Đinh Văn	Lâm	21118288	18/04/2003	4.30	1.90	3.10	
199	Phạm Hồng	Lâm	21126385	28/10/2003	6.40	5.90	6.20	x
200	Lê Văn	Lam	20113262	09/06/2002	8.60	8.00	8.30	x
201	Lê Thị Thanh	Lan	22123056	26/01/2004	7.50	7.00	7.30	x
202	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	21128059	12/02/2003	5.90	3.00	4.50	
203	Phạm Trịnh Mỹ	Lê	22122157	26/06/2004	5.00	4.40	4.70	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
204	Lê Thị Mỹ	Lệ	21129714	01/12/2003	5.30	7.40	6.40	x
205	LƯU THỊ MỸ	LỆ	23129200	10/08/2005	6.30	9.00	7.70	x
206	Nguyễn Thị	Lệ	19117037	29/08/2001	5.00	3.00	4.00	
207	Đặng Thị Thu	Liên	21125166	23/05/2003	7.10	8.00	7.60	x
208	Bùi Đoàn Thảo	Linh	22123057	23/07/2004	6.60	8.00	7.30	x
209	Huỳnh Khánh	Linh	22111056	01/01/2004	5.40	7.00	6.20	x
210	Huỳnh Ngọc Mỹ	Linh	20124083	15/04/2002	7.30	6.00	6.70	x
211	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	15124141	27/02/1997	4.90	0.00	2.50	
212	Lê Đỗ Yến	Linh	21129722	09/04/2003	7.30	9.00	8.20	x
213	Nguyễn Diệu	Linh	22113039	23/06/2004	3.50	0.00	1.80	
214	NGUYỄN KHÁNH	LINH	23128072	02/09/2005	3.80	0.00	1.90	
215	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21129724	30/05/2003	5.00	3.00	4.00	
216	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20124363	11/08/2002	7.00	8.00	7.50	x
217	Phạm Đoàn Trúc	Linh	21113218	04/11/2003	4.40	0.00	2.20	
218	Phạm Thị Thùy	Linh	21123060	07/12/2003	7.00	7.40	7.20	x
219	Phan Công Vũ	Linh	19112259	01/03/2001	7.20	6.00	6.60	x
220	Phan Ngọc Yến	Linh	21123061	07/12/2003	6.00	3.80	4.90	
221	Phan Thu	Linh	21129727	20/12/2003	5.40	10.00	7.70	x
222	Phùng Đình	Linh	22118088	26/02/2003	6.10	5.00	5.60	x
223	Trần Ngọc	Linh	20154160	27/12/2002	5.00	2.50	3.80	
224	Trần Thị Ngọc	Linh	20155108	01/07/2002	4.40	1.50	3.00	
225	Trần Thị Thùy	Linh	20126292	16/06/2002	2.50	2.50	2.50	
226	Đặng Thị Kim	Loan	22122174	09/04/2004	6.20	3.00	4.60	
227	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	21122601	02/07/2003	6.20	1.50	3.90	
228	Hoàng Phi	Lốt	21154221	06/11/2003	6.70	6.00	6.40	x
229	Trần Tấn	Lực	21145165	01/11/2003	6.30	9.00	7.70	x
230	Hứa Phước	Lợi	18138050	12/10/2000	5.50	3.50	4.50	
231	Huỳnh	Long	20149042	29/01/2002	4.60	0.50	2.60	
232	Nguyễn Văn	Luân	21120421	03/12/2003	5.90	3.50	4.70	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
233	Nguyễn Hữu	Luận	22154068	17/11/2004	7.70	6.50	7.10	x
234	Nguyễn Duy	Luật	21124404	17/06/2003	5.60	5.50	5.60	x
235	Huỳnh Thị Kiều	Luyện	21129745	10/11/2003	9.30	8.60	9.00	x
236	Huỳnh Thị Yến	Ly	20126301	08/05/2002	6.10	7.00	6.60	x
237	Lý Thuỷ	Ly	18112352	19/07/1999	4.90	7.00	6.00	
238	Nguyễn Hà Nhật	Ly	21120423	04/01/2003	7.20	7.50	7.40	x
239	Nguyễn Thị Thảo	Ly	17555006	19/04/1999	6.20	6.90	6.60	x
240	Phan Kim	Lý	22126096	22/08/2004	6.10	10.00	8.10	x
241	Phan Thị	Lý	18155052	03/07/2000	5.20	1.00	3.10	
242	Trần Minh	Mẩn	21155114	12/10/2003	5.60	7.00	6.30	x
243	Lê Thị Ngọc	Mai	21124409	27/08/2003	7.10	7.50	7.30	x
244	Nguyễn Thị Xuân	Mai	19126096	01/01/2001	4.80	0.90	2.90	
245	Vũ Thị	Mai	21129753	21/05/2003	5.90	8.50	7.20	x
246	Huỳnh Thế	Mạnh	21129754	02/12/2003	6.10	6.50	6.30	x
247	Vũ	Minsu	20135078	29/06/2002	5.40	5.00	5.20	x
248	Nguyễn Thị Trà	My	18112117	22/06/2000	5.50	9.50	7.50	x
249	Nguyễn Thị Trà	My	20120216	26/02/2002	5.30	3.50	4.40	
250	Phan Thị Diễm	My	21129765	11/10/2003	7.30	9.00	8.20	x
251	Nguyễn Văn Chi	Mỹ	19111076	26/07/2001	4.30	2.50	3.40	
252	Nguyễn Thị Cẩm	Na	22129152	24/06/2004	8.70	9.50	9.10	x
253	Nguyễn Thị Chi	Na	21120432	23/12/2003	4.80	5.50	5.20	
254	Nguyễn Hải	Đăng	21154145	23/12/2003	8.60	9.00	8.80	x
255	Huỳnh Kim	Đạt	20111178	10/05/2002	5.60	6.00	5.80	x
256	Huỳnh Tấn	Đạt	19120020	28/12/2001	6.60	0.50	3.60	
257	LÊ XUÂN	ĐẠT	23145017	10/03/2005	4.70	0.00	2.40	
258	Mai Hoàng Văn	Đạt	21124317	23/06/2003	7.30	7.00	7.20	x
259	Nguyễn Gia	Đạt	20118132	24/02/2002	5.30	5.40	5.40	x
260	Phạm Tuấn	Đạt	21145125	16/07/2003	8.20	9.00	8.60	x
261	TRẦN PHAN THÀNH	ĐẠT	23122025	03/11/2005	4.80	3.00	3.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
262	Nguyễn Thanh	Nam	17153045	08/09/1999	5.10	1.50	3.30	
263	Trần Thanh	Nam	20154170	28/12/2002	7.90	8.00	8.00	x
264	Đỗ Anh	Đào	19112366	01/05/2001	3.70	0.00	1.90	
265	Vũ Thị Cẩm	Đào	20128161	11/11/2002	5.30	4.50	4.90	
266	Mạnh Thị Thuý	Nga	21120145	26/07/2003	5.50	1.50	3.50	
267	Nguyễn Thị Tố	Nga	20126313	24/01/2002	5.00	1.00	3.00	
268	Phạm Thị	Nga	21122635	06/04/2003	8.70	9.50	9.10	x
269	Trần Thị Thúy	Nga	22111071	17/02/2004	4.00	0.00	2.00	
270	Dương Thị Kim	Ngân	22135069	16/02/2004	5.50	10.00	7.80	x
271	Lê Thị Kim	Ngân	22135070	21/05/2004	5.90	9.00	7.50	x
272	Lưu Thị Thu	Ngân	22122212	24/10/2004	5.60	3.30	4.50	
273	Nguyễn Ngọc Tú	Ngân	19126109	09/05/2001	5.30	3.50	4.40	
274	Nguyễn Thủy	Ngân	21120443	27/07/2003	4.00	2.50	3.30	
275	Phạm Thị Kim	Ngân	21155020	01/05/2003	5.30	8.50	6.90	x
276	VÕ THỊ KIM	NGÂN	23145063	09/03/2005	5.50	6.50	6.00	x
277	Võ Thị Sông	Ngân	20126314	21/04/2002	4.00	0.50	2.30	
278	HUỲNH NGỌC THẢO	NGHI	23129265	09/11/2005	4.70	4.00	4.40	
279	Phạm Quách Gia	Nghi	22126114	01/06/2004	6.80	9.00	7.90	x
280	Trần Gia	Nghi	22113052	14/11/2004	3.40	7.50	5.50	
281	Nguyễn Tấn	Nghĩa	21155123	28/09/2003	5.10	2.50	3.80	
282	Huỳnh Đào Bảo	Ngọc	21125520	28/03/2002	5.40	0.00	2.70	
283	Ngô Như	Ngọc	22120106	01/01/2002	5.40	0.90	3.20	
284	Nguyễn Hữu	Ngọc	20145139	20/09/2002	5.60	7.50	6.60	x
285	Trương Yến	Ngọc	21124432	03/11/2003	8.00	5.50	6.80	x
286	Vương Phú Hồng	Ngọc	21129810	12/03/2003	7.10	8.50	7.80	x
287	Nguyễn Thành	Ngữ	18113102	26/02/2000	4.80	0.00	2.40	
288	Dương Phạm Phương	Nguyên	21126428	06/07/2003	7.40	10.00	8.70	x
289	Mai Nguyễn Cao	Nguyên	20112302	08/01/2002	5.30	5.00	5.20	x
290	NGUYỄN KIM	NGUYÊN	23129285	17/11/2005	3.90	3.50	3.70	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
291	Nguyễn Thái	Nguyên	21137109	18/01/2002	8.00	6.50	7.30	x
292	Trần Nguyễn Trọng	Nguyên	22135080	03/01/2004	6.80	7.50	7.20	x
293	Trương Nhựt	Nguyên	21116178	05/10/2003	6.50	5.40	6.00	x
294	Đặng Nguyễn Minh	Nguyệt	22155080	10/01/2004	5.30	1.50	3.40	
295	PHẠM THỊ THANH	NGUYỆT	23124134	03/09/2005	3.90	0.00	2.00	
296	Huỳnh Thành	Nhân	21154249	21/10/2003	3.10	1.40	2.30	
297	Nguyễn Lê Trọng	Nhân	20118214	24/02/2001	7.30	7.50	7.40	x
298	Nguyễn Thanh	Nhân	20113299	24/01/2002	4.90	2.90	3.90	
299	Phan Quốc	Nhẩn	20116228	15/11/2002	5.70	3.00	4.40	
300	Hoàng Công	Nhật	19137048	02/09/2001	4.40	0.00	2.20	
301	Lê Mỹ	Nhàn	21123257	26/11/2003	7.30	7.50	7.40	x
302	ĐẶNG THANH	NHÀN	23129294	29/04/2005	4.60	3.80	4.20	
303	Hồ Thị Xuân	Nhi	20113102	01/01/2002	6.70	0.00	3.40	
304	Hoàng Thị Thảo	Nhi	21139377	27/11/2003	5.30	9.50	7.40	x
305	Lê Mai Thảo	Nhi	19125520	26/10/2001	5.20	3.00	4.10	
306	Lê Tuyết	Nhi	20126325	10/06/2002	7.70	5.00	6.40	x
307	Nguyễn Hồng	Nhi	22120119	05/09/2004	6.50	9.00	7.80	x
308	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NHI	23129310	26/10/2005	4.90	1.50	3.20	
309	Nguyễn Ngọc	Nhi	21126442	20/09/2003	7.50	7.00	7.30	x
310	Nguyễn Quỳnh	Nhi	21120457	27/04/2003	3.40	0.00	1.70	
311	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21111098	29/06/2003	5.10	3.00	4.10	
312	Nguyễn Uyển	Nhi	22122253	23/04/2004	7.70	8.50	8.10	x
313	TRẦN THỊ TỐ	NHI	23129318	23/02/2005	7.60	5.00	6.30	x
314	Trần Thị Xuân	Nhi	21133046	08/04/2003	6.40	1.00	3.70	
315	Lê Thị Quỳnh	Như	22120129	23/06/2004	7.30	9.00	8.20	x
316	Nguyễn Khánh	Như	20116081	27/07/2002	8.20	7.50	7.90	x
317	Nguyễn Thị Tường	Như	22112242	26/09/2004	6.10	8.50	7.30	x
318	Nguyễn Trúc	Như	19124204	09/11/2001	9.20	7.90	8.60	x
319	Nhâm Hải	Như	21139124	09/05/2003	6.90	8.40	7.70	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
320	Nông Thị Quỳnh	Như	20122439	18/04/2002	4.40	0.00	2.20	
321	PHẠM NGỌC QUỲNH	NHƯ	23123080	09/06/2005	4.60	7.00	5.80	
322	Phạm Thị Quỳnh	Như	22120133	15/02/2004	6.70	4.00	5.40	
323	Trương Tâm	Như	21155131	22/04/2003	7.60	5.00	6.30	x
324	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	21133113	03/10/2003	3.60	2.40	3.00	
325	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	22155088	09/10/2004	5.60	8.00	6.80	x
326	DƯƠNG THỊ	ĐIỂM	23145023	07/09/2005	5.40	4.00	4.70	
327	Nguyễn Văn	Ninh	20125610	11/02/2002	3.70	0.00	1.90	
328	Hồ Chi	Đô	21138105	13/04/2003	7.40	8.50	8.00	x
329	Nguyễn Thị Thục	Đoan	21155075	07/04/2003	5.20	1.00	3.10	
330	Ngô Nhật	Đông	20116021	19/10/2002	7.50	8.00	7.80	x
331	Trần Rạng	Đông	21122511	26/01/2003	8.20	6.30	7.30	x
332	Võ Nhựt	Đông	22122053	03/12/2004	6.70	6.50	6.60	x
333	Võ Trần Mạnh	Đông	18128029	18/11/1996	5.90	5.50	5.70	x
334	Lê Thanh	Đĩnh	20126217	26/07/2002	4.40	4.00	4.20	
335	Trương Công	Định	15138014	02/03/1997	5.10	6.50	5.80	x
336	Đỗ Thị My	Nương	21120472	01/05/2003	6.80	8.00	7.40	x
337	Nguyễn Hữu	Đức	19111018	05/06/2001	6.00	5.50	5.80	x
338	Nguyễn Khả Trọng	Đức	20113028	13/01/2002	4.60	0.00	2.30	
339	Nguyễn Văn	Đức	20120173	21/01/2002	3.90	0.00	2.00	
340	Dương Thị Kiều	Oanh	20113304	09/04/2002	4.10	4.00	4.10	
341	Ngô Kim	Oanh	22123107	09/01/2004	6.10	2.90	4.50	
342	Nguyễn Kiều	Oanh	22120138	12/06/2004	7.60	5.00	6.30	x
343	Huỳnh Tấn	Phát	21126460	20/09/2003	7.90	7.30	7.60	x
344	Nguyễn Tấn	Phát	20116236	29/06/2002	7.40	7.50	7.50	x
345	Nguyễn Thành	Phát	22154086	19/07/2004	7.90	7.40	7.70	x
346	Neáng Sóc	Phép	21111179	13/07/2002	4.90	3.00	4.00	
347	Triệu Trường	Phi	20124441	19/04/2002	5.30	7.00	6.20	x
348	Trần Phi	Phố	20126337	23/08/2002	3.70	4.00	3.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
349	PHẠM NGUYÊN	PHONG	24115054	25/03/2006	2.50	3.50	3.00	
350	Võ Thị Như	Phượng	20163129	02/06/2002	5.80	1.50	3.70	
351	Bùi Thị	Phương	20125627	14/02/2002	5.00	2.50	3.80	
352	Hà Lê Anh	Phương	21128114	12/02/2003	5.70	5.90	5.80	x
353	Lê Thị Thu	Phương	19111093	18/05/2001	6.30	1.50	3.90	
354	Ngô Xuân Khánh	Phương	21120484	23/04/2003	3.80	1.00	2.40	
355	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	21155136	29/10/2003	7.70	7.50	7.60	x
356	Nguyễn Hữu Tuấn	Phương	20116306	17/04/2002	4.10	2.00	3.10	
357	Nguyễn Minh Thế	Phương	16112668	28/07/1997	3.00	0.00	1.50	
358	Nguyễn Ngọc Thanh	Phương	17112292	08/07/1999	4.80	2.50	3.70	
359	Nguyễn Tiến Mai	Phương	20126341	11/12/2002	5.60	7.50	6.60	x
360	Phạm Đỗ Anh	Phương	20138113	09/05/2002	8.90	8.50	8.70	x
361	Trần Nguyên Anh	Phương	19153062	25/10/2001	3.90	0.90	2.40	
362	Võ Hoàng Trúc	Phương	20139301	28/05/2002	4.80	0.00	2.40	
363	Vũ Thị Thu	Phương	20120251	15/03/2002	6.80	2.50	4.70	
364	Phùng Thanh	Phước	20154195	05/06/2002	6.30	9.30	7.80	x
365	Lý Nguyễn Hoài	Phụng	18112162	11/12/2000	2.80	6.50	4.70	
366	Bạch Ngọc	Phú	18112158	12/03/2000	5.40	2.40	3.90	
367	Nguyễn Sĩ	Phú	20122617	22/05/2002	4.20	0.50	2.40	
368	Trần Ngọc Long	Phú	20111264	09/02/2002	5.60	5.00	5.30	x
369	Huỳnh Trọng	Phúc	21137117	28/08/2003	5.20	9.00	7.10	x
370	NGUYỄN AN TRẦN	PHÚC	23145076	29/04/2005	4.50	2.50	3.50	
371	Đinh Văn	Phúc	20124446	09/12/2002	4.50	1.00	2.80	
372	Trần Thị	Phúc	20116166	14/09/2002	4.00	0.00	2.00	
373	Trần Tuấn	Phúc	21149236	15/10/2003	5.10	5.00	5.10	x
374	Châu Thục	Quân	21112603	30/07/2003	4.30	2.50	3.40	
375	Lê Hữu Đông	Quân	20138115	08/04/2002	6.60	1.00	3.80	
376	Nguyễn Nhật	Quang	22112269	01/12/2004	7.70	6.50	7.10	x
377	Tô Văn	Quang	21137126	24/03/2003	7.30	8.50	7.90	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
378	TRẦN LÊ	QUANG	23145081	15/06/2005	7.70	8.00	7.90	x
379	Tăng Thanh	Quí	21111331	28/01/2003	5.80	8.50	7.20	x
380	LÊ THỊ	QUYỀN	23165030	27/01/2005	4.20	2.00	3.10	
381	Nguyễn Hoàng	Quyền	22111096	17/05/2004	5.30	7.00	6.20	x
382	Lê Đông Phương	Quyên	22120148	08/12/2004	6.70	1.50	4.10	
383	Lê Thị Mỹ	Quyên	21120490	20/05/2003	3.60	2.50	3.10	
384	Đặng Thị Bảo	Quyên	21126482	25/06/2003	6.50	9.00	7.80	x
385	Nguyễn Cẩm	Quyên	20124453	20/09/2002	5.90	1.50	3.70	
386	Nguyễn Lê Nhật	Quyên	21122685	27/11/2003	6.60	5.90	6.30	x
387	Nguyễn Thị Kim	Quyên	20120260	15/01/2002	6.60	2.50	4.60	
388	HÀ NGỌC DIỄM	QUỲNH	23139081	12/11/2005	5.80	3.30	4.60	
389	Huỳnh Nguyễn Như	Quỳnh	21120223	23/12/2003	4.20	3.00	3.60	
390	Lê Như	Quỳnh	22120149	12/05/2004	8.30	8.50	8.40	x
391	Lê Trần Diễm	Quỳnh	21122688	11/05/2003	7.60	10.00	8.80	x
392	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh	22122313	24/10/2004	6.40	7.50	7.00	x
393	Nguyễn Xuân	Quỳnh	22124182	01/05/2004	4.90	3.00	4.00	
394	Vi Nguyễn Như	Quỳnh	19115098	21/04/2001	7.30	6.00	6.70	x
395	Võ Trúc	Quỳnh	21155145	02/10/2003	8.10	6.40	7.30	x
396	Nguyễn Thân Hữu	Quý	21118358	27/07/2003	5.20	9.50	7.40	x
397	Nguyễn Thanh	Sang	15154042	01/01/1997	5.60	3.50	4.60	
398	Nguyễn Thị Phương	Sang	22135102	02/12/2004	7.70	5.50	6.60	x
399	Trần Thanh	Sang	22118139	26/09/2004	7.50	9.90	8.70	x
400	TỪ NỮ	SAPA	23129388	08/08/2005	4.50	0.00	2.30	
401	BIỆN VĂN	SÁNG	23113106	07/03/2005	7.90	8.00	8.00	x
402	Trương Công	Sinh	17118090	16/09/1999	3.60	0.00	1.80	
403	Đặng Quý Hoài	Sơn	18112295	24/03/2000	5.30	7.00	6.20	x
404	Bạch Tiến	Sỹ	21138060	07/11/2003	3.40	2.50	3.00	
405	Huỳnh Trần Ngọc	Tâm	19123125	22/09/2001	4.20	2.00	3.10	
406	Nguyễn Đức Minh	Tâm	20128260	05/12/2002	5.30	2.50	3.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
407	Phan Thành	Tâm	21154093	01/10/2003	7.80	3.50	5.70	
408	Mai Lê Xuân	Tấn	21154303	08/02/2003	5.10	3.00	4.10	
409	Huỳnh Văn	Tân	21124483	12/04/2003	3.30	0.00	1.70	
410	Lê Nguyễn Hoàng	Tân	22155099	19/10/2004	4.30	0.00	2.20	
411	Đặng Thanh	Tân	21113083	20/08/2003	3.80	0.00	1.90	
412	Trần Nguyễn Hoàng	Tân	21118371	18/04/2003	3.80	0.00	1.90	
413	Huỳnh Châu Tấn	Tài	21145201	18/02/2003	4.10	2.00	3.10	
414	Đặng Quốc	Tài	22149068	05/03/2004	5.60	2.90	4.30	
415	Nguyễn Quốc	Tài	20138122	25/08/2002	7.50	6.50	7.00	x
416	Nguyễn Tấn	Tài	22111100	08/11/2004	3.00	0.00	1.50	
417	Trần Đức	Tài	22111101	26/02/2004	7.40	5.00	6.20	x
418	Trịnh Tấn	Tài	20113327	29/08/2002	6.70	9.00	7.90	x
419	Lê Thị Hồng	Thắm	17124152	21/10/1999	4.60	0.00	2.30	
420	Vũ Thị	Thắm	21111345	17/05/2003	4.00	2.00	3.00	
421	Nguyễn Niên	Thạnh	21137138	14/06/2003	4.10	2.00	3.10	
422	Trương Thị Minh	Thạnh	21126501	12/12/2003	5.20	3.90	4.60	
423	Lê Duy	Thanh	20126354	15/01/2002	4.90	5.50	5.20	
424	Nguyễn Hoài	Thanh	21137134	03/12/2003	5.70	8.50	7.10	x
425	Nguyễn Hoàng Yến	Thanh	22120166	08/02/2004	6.50	5.00	5.80	x
426	Nguyễn Lê Băng	Thanh	22155102	30/08/2004	8.40	9.00	8.70	x
427	Bùi Tiến	Thành	21118377	24/06/2003	5.30	1.90	3.60	
428	Bùi Văn	Thành	22122339	26/05/2004	6.40	5.00	5.70	x
429	Huỳnh Kim	Thành	20112358	01/03/2002	5.00	5.50	5.30	x
430	Nguyễn Ngọc Trường	Thành	20115302	05/10/2002	4.30	2.90	3.60	
431	Đỗ Văn	Thái	21128259	03/10/2003	7.30	10.00	8.70	x
432	Phạm Văn	Thái	21111343	02/01/2003	6.40	6.00	6.20	x
433	Lê Phương	Thảo	22122345	17/01/2004	5.50	0.00	2.80	
434	Nguyễn Thanh	Thảo	22155105	02/01/2004	2.60	1.50	2.10	
435	Nguyễn Thị	Thảo	21112637	05/11/2003	4.90	2.40	3.70	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
436	Nguyễn Thị Minh	Thảo	21129925	27/01/2003	6.00	8.00	7.00	x
437	Đoàn Thị Thanh	Thảo	21129920	19/10/2003	4.70	0.50	2.60	
438	Phạm Thu	Thảo	20116108	18/09/2002	4.30	1.90	3.10	
439	Vi Thị	Thảo	21126192	01/01/2003	5.10	5.00	5.10	x
440	Châu Thị Bích	Thi	20126360	04/07/2002	4.40	1.50	3.00	
441	Hoàng Quỳnh	Thi	22122353	01/08/2004	4.70	2.00	3.40	
442	LÊ THỊ HUỲNH	THI	23122252	21/01/2005	7.30	2.00	4.70	
443	Lương Vĩnh	Thi	21125361	15/09/2003	5.40	7.00	6.20	x
444	Nguyễn Lê Nhả	Thi	21122715	23/07/2003	5.80	2.00	3.90	
445	Phạm Ngọc Xuân	Thi	19112278	06/02/2001	5.90	7.00	6.50	x
446	Trịnh Thị Mai	Thi	21123120	09/03/2003	7.30	7.00	7.20	x
447	Hồ Ngọc	Thiên	21138181	08/04/2003	7.30	6.00	6.70	x
448	Vũ Nguyễn Nam	Thiên	21122717	19/10/2003	4.10	1.00	2.60	
449	Lâm Lê Đức	Thiện	19112172	03/02/2000	4.70	2.00	3.40	
450	Cổ Nguyễn Minh	Thơ	22122356	04/10/2004	4.10	5.50	4.80	
451	Nguyễn Thị Anh	Thơ	22122357	24/03/2004	5.30	0.00	2.70	
452	Hoàng Anh	Thư	22149076	17/12/2004	6.80	6.00	6.40	x
453	Huỳnh Thị Anh	Thư	22145079	28/08/2004	5.80	2.00	3.90	
454	Lê Anh	Thư	22155110	13/04/2004	7.80	7.00	7.40	x
455	LÊ MINH	THƯ	23149091	14/03/2005	5.00	1.50	3.30	
456	Lê Minh	Thư	20115136	25/08/2002	2.80	0.00	1.40	
457	Nguyễn Anh	Thư	19131052	01/02/2001	3.20	3.50	3.40	
458	NGUYỄN HUỲNH MINH	THƯ	23126212	13/12/2004	5.20	6.00	5.60	x
459	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	23122263	15/05/2005	6.50	5.00	5.80	x
460	Nguyễn Thị Minh	Thư	20124492	16/09/2002	7.10	9.00	8.10	x
461	Thị Minh	Thư	20126167	29/01/2001	6.30	3.00	4.70	
462	Võ Linh	Thư	21126525	01/01/2003	7.30	7.50	7.40	x
463	VŨ LÊ ANH	THƯ	23132009	18/07/2005	5.60	0.00	2.80	
464	Lê Trương Tấn	Thoại	19139156	16/11/2001	5.90	1.00	3.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
465	Nguyễn Minh	Thông	21154325	30/10/2003	3.50	1.00	2.30	
466	Huỳnh Ngọc	Thịnh	18111122	26/06/2000	4.80	3.00	3.90	
467	Lê Vĩnh Quốc	Thịnh	18128165	10/06/2000	5.10	0.00	2.60	
468	Nguyễn Trần Hữu	Thịnh	20113343	13/12/2002	3.90	1.50	2.70	
469	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯƠNG	23149097	20/10/2005	5.90	9.50	7.70	x
470	Nguyễn Thị Thương	Thương	20127147	12/09/2002	5.30	2.00	3.70	
471	Phạm Võ Quốc	Thới	20116263	12/10/2002	7.30	6.90	7.10	x
472	Diệp Lê Nhật	Thu	21139442	08/11/2003	4.00	1.50	2.80	
473	Mai Thị Xuân	Thu	14124474	10/05/1996	7.00	0.00	3.50	
474	Nguyễn Ngọc	Thuận	21118384	03/07/2003	6.00	2.00	4.00	
475	Nguyễn Thị Ánh	Thùy	21127159	16/03/2003	8.80	9.00	8.90	x
476	Trần Phương	Thùy	20125726	20/02/2002	6.10	8.50	7.30	x
477	Trương Nguyễn Phương	Thùy	20126374	15/06/2002	7.50	1.50	4.50	
478	Nguyễn Thị	Thúy	22123146	11/08/2004	7.50	5.90	6.70	x
479	Trịnh Thị Thanh	Thúy	20126373	22/11/2002	6.80	8.00	7.40	x
480	Vũ Thị Thu	Thủy	22122385	04/11/2004	5.60	8.00	6.80	x
481	Lê Thị Thanh	Thuyền	21129969	21/04/2003	7.10	8.50	7.80	x
482	Nguyễn Thị	Thuỳ	21126529	10/05/2003	8.20	7.50	7.90	x
483	Trần Thị Thu	Thuỳ	20124500	05/12/2002	6.10	1.00	3.60	
484	Nguyễn Hoàng Như	Thy	22112340	28/11/2004	8.00	8.80	8.40	x
485	Nguyễn Thị Kim	Thy	22122388	14/05/2004	7.10	9.00	8.10	x
486	Nguyễn Trang Minh	Thy	20122530	29/12/2002	3.70	1.50	2.60	
487	Ngô Quốc	Tiến	20122638	16/07/2001	4.80	5.00	4.90	
488	Trần Quốc	Tiến	19123156	08/06/2001	4.40	2.50	3.50	
489	Lê Cẩm	Tiên	21125415	05/08/2003	3.80	0.00	1.90	
490	Lê Thị Thủy	Tiên	19116124	29/01/2000	5.30	0.00	2.70	
491	Phùng Thủy	Tiên	19111121	07/07/2001	4.80	2.90	3.90	
492	Võ Trung	Tính	20120112	25/08/2002	5.00	3.50	4.30	
493	Phạm Thị Lam	Tường	20111325	03/03/2002	4.00	0.00	2.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
494	Uông Mạnh	Tưởng	21120578	24/01/2003	4.40	4.00	4.20	
495	Cao Hoàng Ngọc	Trâm	21129979	13/01/2003	4.60	0.00	2.30	
496	CAO NGUYỄN HUYỀN	TRÂM	23126232	09/05/2005	3.70	0.00	1.90	
497	Phạm Nguyễn Quỳnh	Trâm	20112382	04/01/2002	5.90	5.40	5.70	x
498	Phạm Thị Bảo	Trâm	20149239	16/09/2002	4.90	7.00	6.00	
499	Trần Ngọc	Trâm	18112223	09/09/2000	4.00	1.00	2.50	
500	Trần Thị Bích	Trâm	18112378	17/03/2000	4.70	5.50	5.10	
501	Cao Bảo	Trân	19126189	14/07/2001	6.80	8.50	7.70	x
502	Châu Nguyễn Bảo	Trân	21145220	29/07/2003	7.40	9.00	8.20	x
503	Dương Thị Mai	Trang	22112358	25/08/2004	8.50	10.00	9.30	x
504	Lâm Thị Yến	Trang	21155162	26/09/2003	4.70	0.00	2.40	
505	Long Thùy	Trang	22122408	17/11/2004	7.90	8.80	8.40	x
506	NGUYỄN LÊ THANH	TRANG	23112274	19/01/2005	7.20	3.50	5.40	
507	Nguyễn Thị	Trang	21145221	04/02/2003	7.50	7.50	7.50	x
508	Nguyễn Thị Phương	Trang	19128239	28/01/2001	4.50	0.00	2.30	
509	Phạm Thị Thùy	Trang	21123352	26/09/2003	4.40	1.90	3.20	
510	Phan Thị Thùy	Trang	22123161	21/01/2004	7.90	3.90	5.90	
511	Tạ Thị Thùy	Trang	21155165	19/07/2003	4.70	4.00	4.40	
512	Trần Thị Thanh	Trang	18126189	11/10/2000	4.10	0.00	2.10	
513	Nguyễn Thị Hương	Trà	22128202	20/07/2004	3.40	0.00	1.70	
514	Nguyễn Văn	Trí	20112101	30/08/2002	4.00	0.00	2.00	
515	Phan Huỳnh Bảo	Trí	18120262	26/04/2000	7.00	7.90	7.50	x
516	Phan Minh	Trí	21139474	12/11/2003	5.20	5.00	5.10	x
517	Lê Hoàng	Triết	22120193	02/08/2004	7.50	10.00	8.80	x
518	Lê Nguyễn Việt	Trinh	21111380	22/05/2003	4.70	0.00	2.40	
519	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	21124531	30/03/2003	6.20	5.90	6.10	x
520	Trần Lê Phương	Trinh	22112369	07/11/2004	7.40	10.00	8.70	x
521	Lê Hữu	Trọng	20111318	04/07/2002	5.80	2.00	3.90	
522	Nguyễn Sơn	Trường	21118405	27/12/2003	5.00	8.50	6.80	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
523	Hồ Hoàng Diệu	Trúc	21139479	17/09/2003	7.90	5.50	6.70	x
524	Lê Ngọc	Trúc	22126196	01/12/2004	7.50	5.00	6.30	x
525	Lê Ngọc Thanh	Trúc	22120197	18/12/2004	6.40	8.00	7.20	x
526	Trần Nhật	Tuấn	20154240	30/06/2002	5.90	3.40	4.70	
527	Lưu Gia	Tuệ	21111158	16/11/2003	4.20	3.50	3.90	
528	Châu Trung	Tú	20120328	09/12/2002	5.80	1.00	3.40	
529	Dương Minh	Tú	20118280	19/11/2002	6.70	5.00	5.90	x
530	Nguyễn Thành	Tú	21133125	13/12/2003	6.40	9.00	7.70	x
531	Nguyễn Thị Anh	Tú	22122426	27/10/2004	7.50	7.30	7.40	x
532	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	22126201	10/07/2004	3.70	1.00	2.40	
533	Trương Thị Minh	Tú	20113378	18/03/2002	6.40	7.50	7.00	x
534	Hồ Nguyễn Thanh	Tuyền	21120292	19/03/2003	7.20	5.50	6.40	x
535	Huỳnh Ngọc Thanh	Tuyền	21111399	21/10/2003	5.30	5.80	5.60	x
536	Lê Ngọc	Tuyền	17131150	02/12/1999	5.10	5.50	5.30	x
537	Ngô Thanh	Tuyền	20111134	28/03/2002	3.50	2.50	3.00	
538	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	23120213	20/06/2005	6.30	3.90	5.10	
539	Trần Nguyễn Thanh	Tuyền	22126206	03/09/2004	5.70	1.00	3.40	
540	Nguyễn Quang	Tuyên	20116286	22/07/2002	4.80	0.50	2.70	
541	Phan Thị Ngọc	Tuyết	22122446	13/01/2004	7.60	8.00	7.80	x
542	Lưu Ngọc Phương	Uyên	19126262	05/10/2001	4.70	0.00	2.40	
543	Phạm Nguyễn Thùy	Uyên	21120589	30/11/2003	5.10	0.50	2.80	
544	Tô Thị Phương	Uyên	21120590	02/06/2003	5.00	2.40	3.70	
545	Trần Nhật Khánh	Vân	22122459	19/03/2004	6.80	6.80	6.80	x
546	Trương Thúy Hồng	Vân	24123265	16/08/2006	5.70	0.00	2.90	
547	Cao Trọng	Văn	20154242	14/02/2002	5.50	0.50	3.00	
548	Nguyễn Thành	Văn	20111329	27/04/2002	5.10	5.00	5.10	x
549	Nguyễn Hà Thụy	Vi	22122463	05/07/2004	6.80	6.50	6.70	x
550	Nguyễn Ngọc Huyền	Vi	20113388	01/11/2002	4.20	2.00	3.10	
551	NGUYỄN THỊ YẾN	VI	23120224	10/04/2005	6.00	7.50	6.80	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
552	Phan Thị Tường	Vi	21135388	25/02/2003	6.00	2.00	4.00	
553	Trần Thị Cẩm	Vi	21155181	14/02/2003	3.20	0.00	1.60	
554	Nguyễn Lê Quốc	Việt	19126229	13/09/2001	4.30	3.50	3.90	
555	Nguyễn Quốc	Việt	21145094	21/08/2003	6.50	8.40	7.50	x
556	Phạm Quốc	Việt	21113346	25/02/2003	6.50	6.00	6.30	x
557	Trần Hoàng	Việt	21145095	14/01/2003	6.50	6.00	6.30	x
558	VÕ BẢO	VIỆT	23145106	18/09/2005	4.90	8.00	6.50	
559	Dương Thế	Vinh	19154192	02/11/2001	3.80	5.50	4.70	
560	Nguyễn Thành	Vinh	22149097	12/04/2004	6.30	7.50	6.90	x
561	VÕ QUANG	VINH	23113142	01/06/2005	5.20	2.00	3.60	
562	Kiều Thị Tý	Von	21120596	08/07/2003	4.70	5.40	5.10	
563	Đào Duy Phong	Vương	19115145	29/01/2001	7.10	8.50	7.80	x
564	Trần Ngọc	Vương	20145186	09/10/2002	4.30	6.00	5.20	
565	A Lê Hoài	Vũ	20112412	15/01/2002	4.60	1.00	2.80	
566	Trần Quốc	Vũ	21118431	23/03/2003	4.60	0.00	2.30	
567	Lê Nguyễn Thảo	Vy	22120222	31/05/2004	4.30	1.90	3.10	
568	Nguyễn Lê Xuân	Vy	21126584	06/03/2003	6.40	5.00	5.70	x
569	Nguyễn Phương	Vy	21149318	17/11/2003	4.50	1.00	2.80	
570	Phạm Thị Tường	Vy	22126220	08/03/2004	5.00	5.00	5.00	x
571	PHAN THỊ TRÚC	VY	23145109	01/10/2005	6.80	5.00	5.90	x
572	PHAN THÙY DIỄM	VY	23113146	13/10/2005	7.10	9.50	8.30	x
573	Trần Mai Thị	Vy	22112420	20/10/2004	5.20	2.40	3.80	
574	Trương Tiểu	Vy	22126222	04/02/2004	5.70	1.50	3.60	
575	Vũ Ngọc Uyên	Vy	22112424	22/02/2003	3.60	0.00	1.80	
576	Đỗ Tiến	Vỹ	21118433	13/06/2003	8.00	3.50	5.80	
577	Lê Lan	Xuân	20126419	11/12/2002	7.10	3.50	5.30	
578	Thái Tuyết	Xuân	22112427	18/01/2004	2.70	0.00	1.40	
579	Trần Nguyễn Hoài	Xuân	22111137	07/12/2004	5.60	3.90	4.80	
580	Trần Đình	Xuân	21118434	08/01/2003	2.90	3.50	3.20	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2025

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
581	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19125471	01/06/2001	3.40	1.50	2.50	
582	Nguyễn Thị Như	Ý	20113187	25/11/2002	3.50	0.00	1.80	
583	Nguyễn Thị Như	Ý	21129842	03/11/2003	8.30	9.00	8.70	x
584	PHẠM THỊ NHƯ	Ý	23124289	17/07/2005	5.10	1.50	3.30	
585	Trần Thị Như	Ý	21120608	01/04/2003	7.70	5.80	6.80	x
586	Vũ Phan Như	Ý	21122827	16/05/2003	5.60	5.30	5.50	x

TRUNG TÂM TIN HỌC